


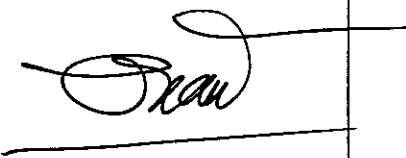
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN NHÀ ĐẦU TƯ TIẾP CẬN THAM GIA ĐẦU TƯ DỰ ÁN THEO HÌNH THỨC BOT, BT

QT.PPP.03

Ngày ban hành: /11/2013

Lần ban hành: 01

	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Vũ Anh Tuấn	Lê Anh Tuấn	Đình La Thăng
Chức vụ	Chuyên viên	Vụ trưởng - Trưởng ban	Bộ trưởng
Ký tên			

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này nhằm hướng dẫn Nhà đầu tư tiếp cận, tìm hiểu các thông tin và tham gia đầu tư các dự án BOT, BT.

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng đối với tất cả các Nhà đầu tư quan tâm, đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức BOT, BT do Bộ GTVT quản lý.

Quy trình này được áp dụng trong cơ quan Bộ GTVT và Ban PPP là đơn vị giúp Lãnh đạo Bộ tổ chức thực hiện.

3. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

Luật đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư số 59/2005/QH11;

Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao và Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP;

Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 09/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư;

Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP;

Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Thông tư số 166/2011/TT-BTC ngày 27/11/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị dự án và kinh phí hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý các dự án; một số chỉ tiêu tài chính của hợp đồng dự án; điều kiện và phương thức thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; quyết toán giá trị công trình dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Xây dựng - Chuyển giao;

Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản;

Quyết định số 1815/QĐ-BGTVT ngày 03/8/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc thành lập Ban quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư;

Quyết định số 2729/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư do Bộ GTVT quản lý;

Căn cứ Quyết định số 3085/QĐ-BGTVT ngày 04/10/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành quy định tạm thời về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT do Bộ GTVT quản lý;

Quy chế công tác văn thư và lưu trữ của Bộ;

Các văn bản liên quan đến dự án như các văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, văn bản công bố Danh mục dự án ...

4. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT

4.1. Thuật ngữ, định nghĩa

- *Bản đăng ký thực hiện dự án*: Là văn bản thể hiện các nội dung đề xuất tìm hiểu thông tin về dự án, tham gia dự án do Nhà đầu tư gửi đến Bộ GTVT và có dấu công văn đến của Văn phòng Bộ và/hoặc được Lãnh đạo Bộ bút phê xử lý.

- *Tờ trình/Văn bản đến*: là văn bản thể hiện các nội dung trình thẩm định, phê duyệt do Ban QLDA/Nhà đầu tư dự án gửi đến Bộ GTVT sau khi đã có dấu công văn đến của Văn phòng Bộ và/hoặc được Lãnh đạo Bộ bút phê xử lý.

- *Báo cáo/Báo cáo thẩm định/Quyết định phê duyệt*: là văn bản thể hiện các nội dung báo cáo, thẩm định, phê duyệt do các cơ quan chức năng chuẩn bị để Lãnh đạo cơ quan ký phát hành.

- *Nhà đầu tư*: Là các đơn vị có nhu cầu tìm hiểu thông tin dự án, tham gia đầu tư dự án BOT, BT.

- *Ban PPP/ Ban quản lý đầu tư các dự án đối tác công tư*: Là cơ quan tham mưu của Bộ GTVT về các dự án BOT, BTO, BT, PPP.

- Ban QLDA/Ban quản lý dự án: là cơ quan thực hiện một số chức năng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, theo dõi dự án.

4.2. Chữ viết tắt

- Bộ GTVT: Bộ Giao thông vận tải;
- VP Bộ: Văn phòng Bộ GTVT;
- TCĐBVN: Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục QLXD: Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông;
- Vụ KHĐT: Vụ Kế hoạch - Đầu tư;
- Vụ TC: Vụ Tài chính;
- Vụ KHCN: Vụ Khoa học - Công nghệ;
- Vụ KCHT: Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông;
- Ban PPP: Ban quản lý đầu tư các dự án đối tác công – tư;
- Ban QLDA: Ban quản lý dự án.
- NĐT: Nhà đầu tư;
- DMDA: Danh mục dự án;
- DADT: Dự án đầu tư;
- BCNCKT: Báo cáo nghiên cứu khả thi

5. NỘI DUNG

5.1. Các quy định chung hướng dẫn Nhà đầu tư tiếp cận, tham gia dự án đầu tư

- Điều kiện, thành phần hồ sơ tiếp cận, tham gia dự án
- + Bản đăng ký thực hiện dự án.
- + Hồ sơ năng lực sơ bộ của Nhà đầu tư.
- + Các văn bản pháp lý có liên quan.
- Số lượng hồ sơ tiếp cận, tham gia dự án: 01 bộ
- Thời gian xử lý của Ban PPP
- + Cung cấp thông tin về các dự án không qua 15 ngày làm việc.
- + Lựa chọn, chấp thuận Nhà đầu tư: Theo trình tự, thủ tục lựa chọn Nhà đầu tư.
- Nội dung
- + Cung cấp thông tin về dự án: Theo trình tự thủ tục dưới đây; nội dung theo quy định của Danh mục dự án và các tài liệu về dự án (nếu có).
- + Lựa chọn, chấp thuận Nhà đầu tư: Theo trình tự thủ tục dưới đây và Nghị định 108/2009/NĐ-CP, Thông tư 03/2011/TT-BKHĐT.
- Nơi tiếp nhận: Ban PPP và Văn thư cơ quan Bộ GTVT.
- Nơi cung cấp thông tin: Ban PPP.

5.2. Lưu đồ trình tự hướng dẫn Nhà đầu tư tiếp cận, tham gia dự án đầu tư

Cơ quan thực hiện	Quá trình thực hiện	Mô tả, Biểu mẫu
Nhà đầu tư	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Nhà đầu tư đến Bộ GTVT</div>	B1
Ban PPP	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Cung cấp các thông tin liên quan đến dự án</div>	B2
Ban PPP	<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: 45%; text-align: center;">Tiếp nhận Bản đăng ký thực hiện dự án của NĐT đối với dự án trong DMDA</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: 45%; text-align: center;">Tiếp nhận Đề xuất dự án của NĐT đối với dự án ngoài DMDA</div> </div>	B3
Ban PPP Lãnh đạo Bộ	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Phê duyệt Đề xuất dự án, bổ sung và đăng tải DMDA</div>	B4
Ban PPP	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tổng hợp danh sách các NĐT có văn bản đăng ký, bao gồm NĐT có đề xuất dự án được phê duyệt.</div>	B5
Ban QLDA Ban PPP Lãnh đạo Bộ	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tổ chức lập, phê duyệt DADT (BCNCKT)</div>	B6
Ban QLDA Ban PPP Lãnh đạo Bộ	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tổ chức lập, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn NĐT</div>	B7
Ban QLDA	<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: 45%; text-align: center;">Lập, phê duyệt HSMT(khi có 2 NĐT trở lên đăng ký)</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: 45%; text-align: center;">Lập, phê duyệt HSYC (trong trường hợp chỉ định NĐT khi chỉ có 1 NĐT đăng ký hoặc được TTg cho phép)</div> </div>	B8
Nhà đầu tư	<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: 45%; text-align: center;">Lập HSĐT</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: 45%; text-align: center;">Lập HSĐX</div> </div>	B9
Ban QLDA Ban PPP Lãnh đạo Bộ	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Chăm thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn NĐT</div>	B10
Ban QLDA, Nhóm CTLN, Ban PPP Lãnh đạo Bộ	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Đàm phán hợp đồng, ký tắt Hợp đồng dự án, cấp GCNĐT, ký chính thức Hợp đồng dự án</div>	B11

5.2 Mô tả quá trình xử lý các bước.

Bước	Trình tự, nội dung	Trách nhiệm thực hiện
B1	Nhà đầu tư đến Bộ GTVT, có nhu cầu tiếp cận, tham gia đầu tư các dự án theo hình thức hợp đồng BOT, BT.	Nhà đầu tư
B2	Ban PPP làm việc cụ thể, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan về các dự án cho Nhà đầu tư.	Ban PPP
B3	<p>1. Trường hợp Nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án trong Danh mục dự án.</p> <p>Nhà đầu tư phải có Bản đăng ký thực hiện dự án theo Điều 10 Nghị định 108/2009/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư 03/2011/TT-BKHĐT. Mẫu Bản đăng ký thực hiện dự án theo Mẫu số 1, Phụ lục I của Thông tư 03/2011/TT-BKHĐT.</p> <p>2. Trường hợp Nhà đầu tư đề xuất dự án nằm ngoài Danh mục dự án.</p> <p>- Nhà đầu tư tiến hành lập Đề xuất dự án gửi Bộ GTVT theo Điều 11 của Nghị định 108/2009/NĐ-CP. Nội dung của Đề xuất dự án theo Khoản 2 Điều 12 của Nghị định 108/2009/NĐ-CP và Điều 1 của Nghị định số 24/2011/NĐ-CP.</p> <p>- Ban PPP tiếp nhận Đề xuất dự án của Nhà đầu tư.</p>	<p>- Nhà đầu tư</p> <p>- Nhà đầu tư</p> <p>- Ban PPP</p>
B4	<p>- Ban PPP tham mưu cho Lãnh đạo Bộ lấy ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương liên quan.</p> <p>- Trường hợp Dự án chưa có trong quy hoạch phát triển ngành, Ban PPP tham mưu cho Lãnh đạo Bộ bổ sung quy hoạch hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận bổ sung vào quy hoạch theo thẩm quyền.</p> <p>- Ban PPP tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, thẩm định Đề xuất dự án và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Đề xuất dự án của Nhà đầu tư.</p> <p>- Công bố Danh mục dự án để đăng tải trên trang thông tin điện tử, Báo đấu thầu. Danh mục dự án phải có những nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 108/2009/NĐ-CP.</p>	<p>- Ban PPP</p> <p>- Ban PPP</p> <p>- Ban PPP</p> <p>- Ban PPP, Văn phòng Bộ</p>
B5	Ban PPP tổng hợp danh sách các Nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án, báo cáo Lãnh đạo Bộ và chuyển cho Ban	Ban PPP, Ban QLDA

Bước	Trình tự, nội dung	Trách nhiệm thực hiện
	QLDA làm cơ sở tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư.	
B6	<ul style="list-style-type: none"> - Ban QLDA được Bộ GTVT giao nhiệm vụ tiến hành lập nhiệm vụ và dự toán khảo sát, lập BCNCKT; trình Bộ GTVT qua Ban PPP xem xét thẩm định để Lãnh đạo Bộ phê duyệt. - Ban QLDA lập đề cương báo cáo đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường xem xét thẩm định trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt. - Ban QLDA lập Kế hoạch đấu thầu lựa chọn tư vấn lập BC NCKT, tư vấn thẩm tra; Ban PPP xem xét thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt. - Ban QLDA lập Kế hoạch đấu thầu lựa chọn tư vấn lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường xem xét thẩm định trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt. - Ban QLDA tiến hành lựa chọn các Tư vấn trong giai đoạn lập dự án đầu tư hoặc trình Bộ ra quyết định tùy theo phân cấp ủy quyền. - Tư vấn lập DADT (BCNCKT) tiến hành khảo sát, lập dự án đầu tư, tổ chức Báo cáo đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ để Bộ GTVT và các Vụ, Cục chức năng xem xét về các nội dung của hồ sơ dự án. Nội dung DADT (BCNCKT) theo Điều 1 Nghị định 24/2011/NĐ-CP. - Ban PPP chủ trì lập Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt DADT (BCNCKT), trình Lãnh đạo Bộ ký phê duyệt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban QLDA, Ban PPP. - Ban QLDA, Ban PPP - Ban QLDA, Ban PPP - Tư vấn lập dự án đầu tư - Ban PPP, các Cục, Vụ liên quan
B7	<ul style="list-style-type: none"> - Ban QLDA lập Kế hoạch lựa chọn Nhà đầu tư trình Bộ GTVT. - Ban PPP lập Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn Nhà đầu tư trình Lãnh đạo Bộ GTVT ký phê duyệt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban QLDA - Ban PPP
B8	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn tối thiểu 30 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải Danh mục dự án lần cuối mà chỉ có một Nhà đầu tư đăng ký tham gia thì Bộ GTVT xem xét quyết định chỉ định Nhà đầu tư thực hiện dự án. - Trường hợp có từ 2 Nhà đầu tư đăng ký tham gia dự án trở lên thì tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư. Trong trường hợp đặc biệt không tiến hành công tác đấu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ GTVT

Bước	Trình tự, nội dung	Trách nhiệm thực hiện
	<p>thầu mà áp dụng hình thức chỉ định thầu thì Bộ GTVT phải báo cáo Thủ tướng chính phủ xem xét chấp thuận chỉ định Nhà đầu tư.</p> <p>- Ban QLDA tổ chức lập và phê duyệt Hồ sơ mời thầu (Đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư), Hồ sơ yêu cầu (Chỉ định Nhà đầu tư) và phát hành cho Nhà đầu tư.</p>	- Ban QLDA
B9	Nhà đầu tư chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc Hồ sơ đề xuất.	Nhà đầu tư
B10	<p>- Ban QLDA thành lập tổ Chuyên gia đấu thầu, tổ chức đánh giá Hồ sơ dự thầu hoặc Hồ sơ đề xuất của các Nhà đầu tư trình Bộ GTVT kết quả đánh giá lựa chọn Nhà đầu tư.</p> <p>- Ban PPP lập Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá lựa chọn Nhà đầu tư trình Lãnh đạo Bộ ký.</p> <p>- Ban QLDA thông báo kết quả lựa chọn Nhà đầu và đăng tải công khai trên Báo đấu thầu trong thời gian tối đa 7 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư.</p>	<p>- Ban QLDA</p> <p>- Ban PPP, Vụ TC</p> <p>- Ban QLDA</p>
B11	<p>- Ban PPP gửi văn bản đến các cơ quan liên quan để cử đại diện tham gia Nhóm công tác liên ngành. Thành viên nhóm công tác liên ngành và nhiệm vụ theo Điều 7 Nghị định 108/2009/NĐ-CP.</p> <p>- Ban PPP dự thảo Quyết định thành lập Nhóm công tác liên ngành trình Lãnh đạo Bộ GTVT ký Quyết định.</p> <p>- Nhóm công tác liên ngành chủ trì đàm phán Hợp đồng dự án.</p> <p>- Bộ GTVT, Nhà đầu tư ký tắt Hợp đồng dự án.</p> <p>- Nhà đầu tư chuẩn bị Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 25 Nghị định 108/2009/NĐ-CP, hợp đồng dự án ký tắt và các hồ sơ tài liệu liên quan đến Bộ KH&ĐT để đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư.</p> <p>- Sau khi có Giấy chứng nhận đầu tư, các bên tiến hành hoàn thiện Hợp đồng chính thức để Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án, Bộ GTVT ký kết Hợp đồng dự án.</p> <p>- Nhà đầu tư gửi Hợp đồng dự án đến Bộ KH&ĐT để theo dõi trong quá trình thực hiện Dự án.</p>	<p>- Ban PPP</p> <p>- Ban PPP</p> <p>- Nhóm công tác liên ngành</p> <p>- Nhóm công tác liên ngành</p> <p>- Nhà đầu tư</p> <p>- Các bên của Hợp đồng, Ban QLDA</p> <p>- Nhà đầu tư</p>

6. HỒ SƠ

Bước	Tên hồ sơ	Nơi lưu	Thời gian lưu
3	Bản đăng ký thực hiện dự án, Đề xuất dự án và các văn bản khác của Nhà đầu tư	Hồ sơ được lưu tại Ban trong thời gian thụ lý và đến khi dự án hoàn thành, sau đó chuyển về kho lưu trữ của Bộ	Đến hết dự án
4	Văn bản, ý kiến của các Bộ ngành, địa phương liên quan, Báo cáo thẩm định, Quyết định phê duyệt Đề xuất dự án		Đến hết dự án
5	Tổng hợp danh sách các Nhà đầu tư đăng ký tham gia dự án		Đến hết dự án
6	- Văn bản giao nhiệm vụ cho Ban QLDA, Tờ trình, Báo cáo thẩm định, Quyết định phê duyệt, Kế hoạch đấu thầu các gói thầu Tư vấn lập dự án, Tư vấn thẩm tra, Báo cáo đánh giá tác động môi trường. - Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ dự thầu, Báo cáo thẩm định, Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu. - Tờ trình, Báo cáo thẩm định, Quyết định phê duyệt dự án đầu tư. - Hồ sơ lập dự án đầu tư (Báo cáo NCKT).		Đến hết dự án
7	Tờ trình, Báo cáo thẩm định, Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn Nhà đầu tư		Đến hết dự án
10	Tờ trình, Báo cáo thẩm định, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư		Đến hết dự án
11	Các văn bản, Quyết định thành lập Nhóm công tác liên ngành, Biên bản đàm phán hợp đồng, Hợp đồng ký tắt, Hợp đồng chính thức		Đến hết dự án
	Văn bản khác có liên quan đến dự án.		Đến hết dự án

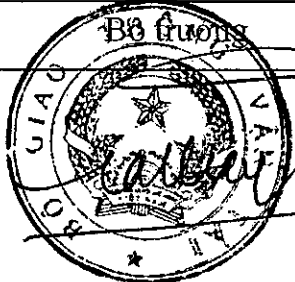
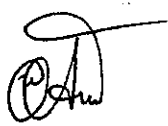

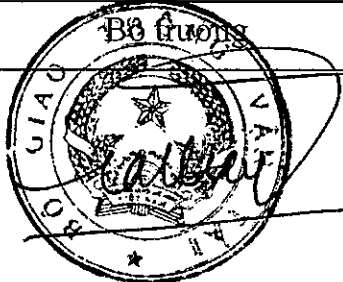
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - PPP

QT.PPP.01

Ngày ban hành: 2/3/2013

Lần ban hành: 01

	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Nguyễn Quang Ân	Lê Anh Tuấn	Đình La Thăng
Chức vụ	Chuyên viên	Vụ trưởng - Trưởng ban	
Ký tên			

1. Người có liên quan phải nghiên cứu và thực hiện đúng các nội dung của quy định này.
2. Mỗi đơn vị được phát 01 bản (có đóng dấu kiểm soát). Các đơn vị khi có nhu cầu bổ sung thêm tài liệu, đề nghị liên hệ với thư ký ISO để có bản đóng dấu kiểm soát. Cán bộ công chức được cung cấp file mềm trên mạng nội bộ để chia sẻ thông tin khi cần.

NOI NHẬN (ghi rõ nơi nhận rồi đánh dấu X ô bên cạnh)

x	Bộ Trưởng	x	Thứ trưởng phụ trách
x	Văn phòng	<input type="checkbox"/>	Vụ Tổ chức cán bộ
<input type="checkbox"/>	Thanh Tra Bộ	<input type="checkbox"/>	Vụ Hợp tác quốc tế
<input type="checkbox"/>	Vụ Tài chính	<input type="checkbox"/>	Vụ Môi trường
<input type="checkbox"/>	Vụ Khoa học công nghệ	<input type="checkbox"/>	Vụ Kết cấu hạ tầng
x	Vụ Pháp chế	<input type="checkbox"/>	Vụ Quản lý doanh nghiệp
<input type="checkbox"/>	Vụ Vận tải	x	Ban PPP
<input type="checkbox"/>	Vụ Kế hoạch đầu tư	<input type="checkbox"/>	Ban Chỉ đạo phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn
<input type="checkbox"/>	Vụ An toàn giao thông		

THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI (tình trạng sửa đổi so với bản trước đó)

Trang	Hạng mục sửa đổi	Tóm tắt nội dung sửa đổi

I. MỤC ĐÍCH

Quy trình này nhằm quy định thống nhất trình tự thực hiện thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức đối tác công - tư (PPP) do Bộ GTVT quản lý, đảm bảo sự phối hợp thống nhất, hiệu quả giữa đơn vị trình duyệt với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư (Ban PPP) và các chuyên viên, giữa các Vụ chức năng trong cơ quan Bộ.

II. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng đối với tất cả các dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức PPP do Bộ GTVT quản lý.

Quy trình này được áp dụng trong cơ quan Bộ GTVT và Ban PPP là đơn vị giúp Lãnh đạo Bộ tổ chức thực hiện.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009;
- Luật đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;
- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư số 59/2005/QH11;
- Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao và Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;
- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 09/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư;
- Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP;

- Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

- Thông tư số 166/2011/TT-BTC ngày 27/11/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị dự án và kinh phí hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý các dự án; một số chỉ tiêu tài chính của hợp đồng dự án; điều kiện và phương thức thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; quyết toán giá trị công trình dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Xây dựng - Chuyển giao;

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

- Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản;

- Quyết định số 1815/QĐ-BGTVT ngày 03/8/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc thành lập Ban quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư;

- Quyết định số 2729/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư do Bộ GTVT quản lý;

- Quy chế công tác văn thư và lưu trữ của Bộ;

- Các văn bản liên quan đến dự án như Quyết định cho phép lập dự án đầu tư; Quyết định phê duyệt khung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án; Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán công tác khảo sát, lập dự án đầu tư; Hợp đồng tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư; Biên bản nghiệm thu công tác khảo sát....

IV. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT

4.1. Thuật ngữ, định nghĩa:

- *Tờ trình/Văn bản đến*: là văn bản thể hiện các nội dung trình thẩm định, phê duyệt do Chủ đầu tư/Nhà đầu tư dự án gửi đến Ban sau khi đã có dấu công văn đến của Văn phòng Bộ và/hoặc được Lãnh đạo Bộ bút phê xử lý.

- *Đăng ký văn bản*: là việc ghi chép hoặc cập nhật những thông tin cần thiết về văn bản như số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, tên loại và trích yếu nội dung, nơi nhận vào sổ quản lý văn bản của Ban.

- *Khách hàng*: là các đơn vị có nhu cầu thẩm định (các Ban QLDA, các đơn vị tư vấn thiết kế...) nộp hồ sơ để Bộ GTVT thẩm định.

- *Người thẩm định*: là chuyên viên của Ban PPP được Lãnh đạo Ban phân công xử lý Tờ trình/văn bản của khách hàng.

- *Người chủ trì*: là người được phân công chủ trì trong trường hợp hồ sơ được phân công cho 02 Người thẩm định trở lên.

- *Lãnh đạo phụ trách*: Là lãnh đạo Ban được Vụ trưởng - Trưởng ban phân công theo dõi quá trình xử lý Tờ trình/văn bản của khách hàng.

- Văn thư Ban: là cán bộ phụ trách công tác văn thư thuộc Ban PPP.
- Văn thư Bộ: là bộ phận chuyên trách làm công tác văn thư thuộc Văn phòng Bộ.

4.2. Chữ viết tắt

- Bộ GTVT: Bộ Giao thông vận tải;
- VP Bộ: Văn phòng Bộ GTVT;
- TCĐBVN: Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục QLXD: Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông;
- Vụ KHĐT: Vụ Kế hoạch - Đầu tư;
- Vụ TC: Vụ Tài chính;
- Vụ KHCN: Vụ Khoa học - Công nghệ;
- Vụ KCHT: Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông;
- Ban PPP: Ban quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư.

V. NỘI DUNG

5.1. Các quy định chung trong thẩm định dự án đầu tư

- Điều kiện thực hiện:
 - + Quyết định cho phép lập dự án đầu tư của Bộ trưởng Bộ GTVT.
 - + Có biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát giữa Ban QLDA và đơn vị Tư vấn.
 - + Báo cáo thẩm tra của Tư vấn thẩm tra (nếu có).
- Thành phần hồ sơ trình thẩm định:
 - + Tờ trình thẩm định dự án theo mẫu.
 - + Hồ sơ dự án bao gồm phần Thuyết minh và phần Thiết kế cơ sở.
 - + Các văn bản pháp lý có liên quan.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời gian thẩm định dự án được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:
 - + Đối với dự án nhóm A: thời gian thẩm định dự án không quá 40 ngày làm việc;
 - + Đối với dự án nhóm B: thời gian thẩm định dự án không quá 30 ngày làm việc;
 - + Đối với dự án nhóm C: thời gian thẩm định dự án không quá 20 ngày làm việc.
- Nội dung thẩm định dự án: theo quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP.
- Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Ban PPP và Văn thư cơ quan Bộ GTVT.

5.2. Lưu đồ trình tự thực hiện thẩm định dự án đầu tư

Người thực hiện	Quá trình thực hiện	Mô tả, Biểu mẫu
Văn thư Ban	Tiếp nhận Tờ trình, hồ sơ	B1
Lãnh đạo Ban	Phân công nhiệm vụ cho cán bộ của Ban	B2
Cán bộ thẩm định/chủ trì	Tiếp nhận hồ sơ Kiểm tra sơ bộ	B3
Cán bộ thẩm định/chủ trì	Dự thảo văn bản xin ý kiến và Tổng hợp.	B4
Lãnh đạo Ban	Xem xét	B5
Lãnh đạo Bộ	Phê duyệt	B6
Cán bộ thẩm định/chủ trì	Tổng hợp, Thẩm định và dự thảo BCTĐ, QĐ duyệt Dự thảo VB xin thoả thuận của TTg (nếu cần thiết)	B7 BM.PPP.01.01 BM.PPP.01.02
Lãnh đạo Ban phụ trách dự án	Kiểm tra và ký các văn bản	B8
Người thẩm định và Văn thư Ban	Vào Sổ công văn	B9
Lãnh đạo Bộ Văn phòng Bộ	- Trình TTg - Phê duyệt	B10
Văn thư Bộ	Ban hành văn bản	B11
Văn thư Bộ và Người thẩm định	Lưu hồ sơ, văn bản	B12

5.3 Mô tả quá trình thẩm định các dự án đầu tư

Bước	Trình tự, nội dung	Trách nhiệm thực hiện
	Đơn vị có nhu cầu thẩm định (khách hàng) nộp hồ sơ, tài liệu và Tờ trình thẩm định dự án thông qua Văn thư Bộ theo quy định của Quy trình quản lý công văn đi đến.	Văn thư thuộc Văn phòng Bộ GTVT
B1	Văn thư Ban tiếp nhận hồ sơ (Tờ trình và hồ sơ kèm theo) tại Văn thư Bộ (hồ sơ phải được đóng dấu công văn đến và có bút phê giao nhiệm vụ của Lãnh đạo Bộ) trình Vụ trưởng - Trưởng ban hoặc Lãnh đạo Ban được ủy quyền.	Cán bộ phụ trách văn thư của Ban
B2	Vụ trưởng (Trưởng ban) phân công trực tiếp trên hồ sơ cho các Lãnh đạo Ban phụ trách và chuyên viên trong Ban để thẩm định (trường hợp hồ sơ được phân công cho 02 chuyên viên thẩm định trở lên, phải ghi rõ người chủ trì). - Văn thư Ban bàn giao hồ sơ cho chuyên viên thẩm định theo phân công của Lãnh đạo Ban và vào sổ theo dõi công việc của Ban.	Vụ trưởng (Trưởng ban) hoặc Lãnh đạo Ban được ủy quyền. Văn thư Ban
B3	Ngay sau khi nhận được hồ sơ, chuyên viên thẩm định tiến hành kiểm tra sơ bộ tính đầy đủ của hồ sơ. Nếu thiếu hồ sơ, chuyên viên được phân công dự thảo văn bản yêu cầu khách hàng bổ sung hồ sơ, Phiếu trình theo BM.VP.01.03 trình Lãnh đạo Ban xem xét, Lãnh đạo Bộ phê duyệt trước khi gửi khách hàng theo quy định của Quy trình quản lý công văn đi đến.	Người chủ trì thẩm định
B4	Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, Người thẩm định tiến hành dự thảo văn bản xin ý kiến các Vụ KHĐT, TC, KHCN, KCHT; Cục QLXD; TCĐBVN và một số đơn vị liên quan khác (nếu cần thiết), phiếu trình trình Lãnh đạo Vụ xem xét.	Người chủ trì thẩm định
B5	Xem xét các văn bản dự thảo văn bản do Người thẩm định thực hiện. - Nếu đồng ý: thì ký trực tiếp vào Phiếu trình văn bản; - Nếu không đồng ý: chỉnh sửa nội dung dự thảo văn bản, trả lại cho Người thẩm định chỉnh sửa hoàn thiện. Quay lại bước B4.	Lãnh đạo Ban
B6	Lãnh đạo Bộ phê duyệt Văn bản: - Nếu đồng ý: thì ký trực tiếp văn bản;	Lãnh đạo Bộ

Bước	Trình tự, nội dung	Trách nhiệm thực hiện
	<p>- Nếu không đồng ý: chỉnh sửa nội dung dự thảo văn bản, trả lại cho Người thẩm định chỉnh sửa hoàn thiện. Quay lại bước B5.</p>	
B7	<p>Theo dõi, và tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị nói trên và tiến hành thẩm định chi tiết hồ sơ theo quy định. Trường hợp cần thiết phải đi xem xét, kiểm tra thực địa báo cáo Lãnh đạo Ban và Lãnh đạo Bộ (nếu cần thiết) để thành lập đoàn công tác, có mời các đơn vị nói trên tham gia.</p> <p>- Người thẩm định (hoặc chuyên viên chủ trì) lập Báo cáo kết quả thẩm định theo BM.PPP.01.01 trình Lãnh đạo Ban xem xét.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đạt thì chuyên viên thẩm định đề nghị khách hàng trình thẩm định bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Quay lại bước B3.</p> <p>- Sau khi hồ sơ được chỉnh sửa, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu Báo cáo kết quả thẩm định, chuyên viên thẩm định dự thảo Quyết định phê duyệt/chấp thuận và Phiếu trình văn bản trình Lãnh đạo Ban xem xét trước khi trình Lãnh đạo Bộ.</p> <p>- Đối với trường hợp dự án có bảo lãnh Chính phủ hoặc sử dụng ngân sách Trung ương để hỗ trợ thực hiện dự án thì dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Ban và Lãnh đạo Bộ để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p> <p>- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chuyên viên được phân công dự thảo Quyết định phê duyệt/chấp thuận hoặc văn bản báo cáo, đề xuất xử lý và Phiếu trình văn bản trình Lãnh đạo Ban xem xét trước khi trình Lãnh đạo Bộ.</p>	- Người chủ trì thẩm định;
B8	<p>Xem xét các văn bản dự thảo văn bản do Người thẩm định thực hiện (văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị; Báo cáo kết quả thẩm định; Quyết định phê duyệt, Phiếu trình văn bản và Văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ, nếu cần):</p> <p>- Nếu đồng ý: thì ký trực tiếp vào Phiếu trình văn bản; Báo cáo kết quả thẩm định; ký nháy vào dự thảo Quyết định phê duyệt và văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Nếu không đồng ý: chỉnh sửa nội dung dự thảo văn bản, trả lại cho Người thẩm định chỉnh sửa hoàn thiện. Quay lại bước B7.</p>	Lãnh đạo Ban

Bước	Trình tự, nội dung	Trách nhiệm thực hiện
B9	Vào sổ công văn của Ban và lấy số, ngày, tháng, năm của Báo cáo kết quả thẩm định tại Văn thư Ban.	Người thẩm định và Văn thư Ban
B10	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Lãnh đạo Bộ dự thảo văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án có bảo lãnh Chính phủ hoặc sử dụng ngân sách Trung ương để hỗ trợ thực hiện. - Trình Lãnh đạo Bộ dự thảo Quyết định phê duyệt dự án kèm theo các văn bản liên quan đến việc thẩm định, phê duyệt dự án (Báo cáo kết quả thẩm định của Ban, Tờ trình phê duyệt của khách hàng và các văn bản liên quan khác). - Nếu đồng ý: thì ký trực tiếp dự thảo Quyết định phê duyệt và văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ. - Nếu không đồng ý: chỉnh sửa nội dung dự thảo văn bản, trả lại cho Người thẩm định chỉnh sửa hoàn thiện. Quay lại bước B4. 	Phòng Tổng hợp thuộc Văn phòng Bộ và Lãnh đạo Bộ
B11	- Văn thư Bộ nhập phần mềm quản lý văn bản, lấy số, ngày, tháng, năm của Văn bản theo quy định của Quy trình quản lý công văn đi đến.	Văn thư Bộ
B12	Lưu hồ sơ, tài liệu và văn bản.	Người thẩm định và Văn thư Ban

VI. HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án.	Hồ sơ được lưu tại Ban trong thời gian thụ lý và đến khi dự án hoàn thành, sau đó chuyển về kho lưu trữ của Bộ	10 năm
2	Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án (có dấu công văn đến của Bộ và giao nhiệm vụ của Lãnh đạo Bộ)		
	Báo cáo kết quả thẩm định		
	Phiếu trình văn bản		
	Văn bản Báo cáo Thủ tướng Chính phủ (nếu có)		10 năm
	Văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)		
3	Quyết định phê duyệt và báo cáo thẩm		10 năm

	định bản gốc.		
4	Văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (nếu có);		10 năm

VII. PHỤ LỤC

1/ **BM.PPP.01.01**: Báo cáo kết quả thẩm định dự án đầu tư

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC DỰ ÁN ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ

Số:/ĐTCT

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Dự án đầu tư xây dựng công trình ...

Kính gửi: Bộ trưởng/Thứ trưởng

Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư (Ban PPP) đã nhận được Tờ trình số ... ngày .../.../20... của ... về việc trình duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình ... kèm theo hồ sơ dự án đầu tư do ... lập. Sau khi nghiên cứu, Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Nội dung dự án đầu tư do ... trình:

1. Tên dự án:
2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng dự án: Bộ Giao thông vận tải.
3. Tổ chức Tư vấn lập dự án:
4. Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sĩ Nguyễn Văn Trường.
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng
 - 6.1. Phạm vi dự án trình duyệt
 - 6.2. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật
 - 6.3. Giải pháp thiết kế.
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng:
10. Loại, cấp công trình:
11. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư:
12. Tổng mức đầu tư :
13. Phương thức đầu tư:
14. Thời gian thực hiện dự án:

15. Các bước thiết kế:

16. Phương án tài chính:

II. Căn cứ pháp lý và các văn bản liên quan.

Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;

Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Quyết định số 1815/QĐ-BGTVT ngày 03/8/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc thành lập Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư;

Quyết định số 2729/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT v/v tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư do Bộ GTVT quản lý;

Các căn cứ có liên quan khác.

III. Ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan

1. Ý kiến của địa phương

2. Ý kiến của các cơ quan tham mưu của Bộ

3. Báo cáo thẩm tra của Tư vấn thẩm tra

IV. Nội dung thẩm định

1. Đánh giá chung hồ sơ và thủ tục pháp lý

1.1. Đánh giá số liệu đầu vào:

1.2. Đánh giá chung về quy cách hồ sơ, nội dung hồ sơ:

1.3. Đánh giá chung về thủ tục pháp lý (ý kiến của địa phương, các chỉ đạo của Chính phủ ...):

2. Sự cần thiết đầu tư:

3. Sự phù hợp với quy hoạch:

4. Sự hợp lý về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật

5. Loại và cấp công trình:

6. Sự hợp lý trong lựa chọn giải pháp thiết kế:

7. Đánh giá tác động môi trường và phòng chống cháy nổ:

8. Sự phù hợp của việc kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực:
9. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:
10. Tổng mức đầu tư:
 - 10.1. Các ý kiến thẩm định về Tổng mức đầu tư
 - 10.2. Tổng mức đầu tư sau thẩm định:
11. Trạm thu phí
12. Phương án tài chính
13. Nguồn vốn
14. Thời gian thực hiện dự án
15. Phương thức tổ chức quản lý, kinh doanh công trình
16. Điều kiện, phương thức chuyển giao và tiếp nhận

V. Kiến nghị và kết luận

1. Kiến nghị:
2. Những lưu ý trong triển khai các công việc tiếp theo:
3. Kết luận:

Dự án đầu tư xây dựng công trình ... sau thẩm định cơ bản đủ điều kiện trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt. Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư kính trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt dự án nói trên.

Kính trình Bộ trưởng/Thứ trưởng xem xét, quyết định./.

LÃNH ĐẠO BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Khách hàng;
- Tư vấn lập dự án;
- Lưu: ĐTCT.

...

2/ BM.PP.01.02: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình ...

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ có liên quan khác;

Xét đề nghị của ... tại Tờ trình số ... về việc trình duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình ... kèm theo hồ sơ dự án do ... lập.

Theo đề nghị của Vụ trưởng - Trưởng ban Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số .../ĐTCT ngày .../.../20...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình ... theo hình thức Hợp đồng BOT với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình ...
2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng dự án: Bộ Giao thông vận tải.
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng
 - 6.1. Phạm vi dự án
 - 6.2. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật.
 - 6.3. Giải pháp thiết kế
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng:
10. Loại, cấp công trình:
11. Dự án thành phần giải phóng mặt bằng và tái định cư:
12. Tổng mức đầu tư:
13. Hình thức đầu tư:
14. Nguồn vốn đầu tư:
15. Trạm thu phí:
16. Phương án tài chính:
17. Thời gian thực hiện dự án:
18. Phương thức tổ chức quản lý, kinh doanh công trình:
19. Điều kiện, phương thức chuyển giao và tiếp nhận:
20. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Các Ông (Bà): Vụ trưởng - Trưởng ban Ban QLĐT các dự án đối tác công - tư; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư; Vụ trưởng Vụ Tài chính; Cục trưởng Cục QLXD & CLCTGT; Tổng cục trưởng Tổng cục ĐBVN; Tổng giám đốc ... và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện./.

BỘ TRƯỞNG/THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT và TC;
- UBND tỉnh...;
- Kho bạc Nhà nước;
- Lưu: VT, ĐTCT (... bản).



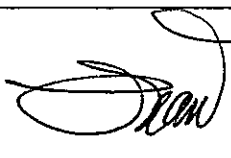

3/ Phụ lục 01: Tờ trình thẩm định dự án: theo Phụ lục II - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

QT.PPP.02

Ngày ban hành: 22/3/2013
Lần ban hành : 01

	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Phan Hữu Biên	Lê Anh Tuấn	Đình La Thăng
Chức vụ	Chuyên viên	Vụ trưởng - Trưởng ban	
Ký tên			

I. MỤC ĐÍCH

Quy trình này quy định thống nhất các trình tự thực hiện trong việc lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) do Bộ GTVT quản lý, đảm bảo sự phối hợp thống nhất, hiệu quả giữa đơn vị trình duyệt với Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư (Ban PPP) và các chuyên viên, giữa các Vụ chức năng trong cơ quan Bộ.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này được áp dụng đối với tất cả các dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu rộng rãi.

Quy trình này được áp dụng trong cơ quan Bộ GTVT và Ban PPP là đơn vị giúp Lãnh đạo Bộ tổ chức thực hiện.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

- Luật đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

- Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) và Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2009/NĐ-CP;

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư số 59/2005/QH11;

- Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP;

- Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

- Thông tư số 166/2011/TT-BTC ngày 27/11/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị dự án và kinh phí hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý các dự án; một số chỉ tiêu tài chính của hợp đồng dự án; điều kiện và phương thức thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; quyết toán giá trị công trình dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Xây dựng - Chuyển giao;

- Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản).

- Quyết định số 1815/QĐ-BGTVT ngày 03/8/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc thành lập Ban quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư;
- Quyết định số 2729/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư do Bộ GTVT quản lý;
- Quy chế công tác văn thư và lưu trữ của Bộ GTVT;

IV. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT

4.1. Thuật ngữ, định nghĩa:

- Tờ trình/Văn bản đến là văn bản thể hiện các nội dung trình thẩm định, phê duyệt do Chủ đầu tư/Bên mời thầu/Nhà đầu tư gửi đến Ban sau khi đã có dấu công văn đến của Văn phòng Bộ và/hoặc được Lãnh đạo Bộ bút phê xử lý.
- Đăng ký văn bản là việc ghi chép hoặc cập nhật những thông tin cần thiết về văn bản như số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, tên loại và trích yếu nội dung, nơi nhận vào sổ quản lý văn bản của Bộ/Ban.
- Người thẩm định là chuyên viên của Ban PPP được Lãnh đạo Ban phân công xử lý Tờ trình/văn bản của Chủ đầu tư/Bên mời thầu/Nhà đầu tư.
- Người chủ trì: là người được phân công chủ trì trong trường hợp hồ sơ được phân công cho 02 Người thẩm định trở lên.
- Lãnh đạo Ban phụ trách là Phó trưởng ban hoặc Trưởng ban
- Chuyên viên xử lý là chuyên viên của phòng chức năng được Lãnh đạo Bộ phân công xử lý văn bản hoặc công việc cụ thể.
- Văn thư là bộ phận chuyên trách làm công tác văn thư thuộc VP của Bộ.
- Văn thư đơn vị là chuyên viên hoặc cán bộ chuyên trách được giao nhiệm vụ thực hiện công tác văn thư của đơn vị.

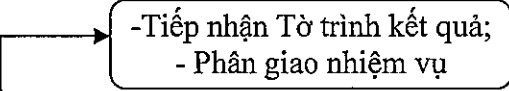
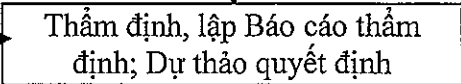
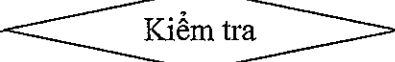
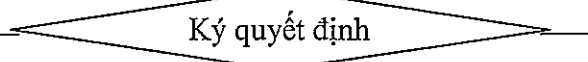
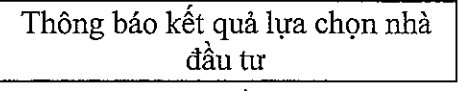
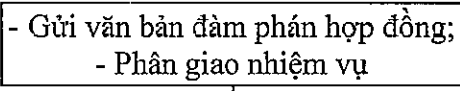
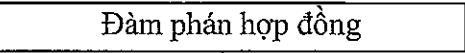
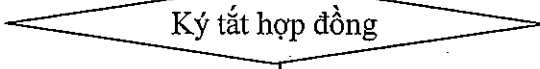
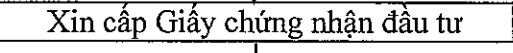
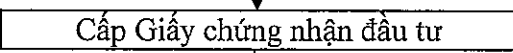
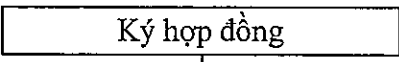
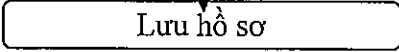
4.2. Chữ viết tắt

- Ban: Ban quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư .
- BMT: Bên mời thầu
- BOT: Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao
- Bộ KHĐT: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ GTVT: Bộ Giao thông vận tải;
- CQNNCTQ: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- Cục QLXD: Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng CTGT;
- Cục ĐTNĐ: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Cục HK: Cục Hàng không Việt Nam

- Cục HH: Cục Hàng hải Việt Nam;
- NTĐ: Nhà đầu tư
- VP Bộ: Văn phòng Bộ GTVT;
- Vụ KHĐT: Vụ Kế hoạch - Đầu tư;
- Vụ TC: Vụ Tài chính;
- Vụ KHCN: Vụ Khoa học - Công nghệ;
- Vụ KCHT: Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông;
- TCĐBVN: Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

V. NỘI DUNG

5.1. Lưu đồ quá trình thực hiện lựa chọn Nhà đầu tư và ký kết hợp đồng

Người thực hiện	Quá trình thực hiện	Mô tả, Biểu mẫu
Văn thư Ban Lãnh đạo Ban		5.2.1
Cán bộ thẩm định/chủ trì		5.2.2
Lãnh đạo Ban phụ trách dự án		5.2.3
Lãnh đạo Bộ		5.2.4
Bên mời thầu		5.2.5 BM.PPP.02.01
NĐT Lãnh đạo Ban		5.2.6
Tổ chuyên gia, NĐT, Nhóm công tác liên ngành		5.2.7
Lãnh đạo Bộ NĐT		5.2.8
NĐT		5.2.9
Bộ KHĐT NĐT		5.2.10
Lãnh đạo Bộ NĐT		5.2.11
Ban PPP		

5.2 Mô tả quá trình lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng**5.2.1 Trình kết quả**

- Bên mời thầu lập Báo cáo kết quả lựa chọn Nhà đầu tư trình Bộ, nội dung báo cáo vận dụng quy định tại Thông tư 09/2010/TT-BKH ngày 21/4/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp tại; Thông tư 15/2010/TT-BKH ngày 29/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn;

- Văn thư Ban nhận công văn đến theo quy định của Quy trình xử lý công văn đi đến;

- Lãnh đạo Ban phân giao nhiệm vụ theo Quy định về Nguyên tắc làm việc và phân công nhiệm vụ trong Ban (Số 112/ĐTCT ngày 26/12/2012).

5.2.2 Thẩm định kết quả

- Văn thư Ban cập nhật Sổ theo dõi công việc của Ban, bàn giao hồ sơ, tờ trình cho chuyên viên được phân công.

- Chuyên viên được phân công chịu trách nhiệm thẩm định và lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn Nhà đầu tư bao gồm các nội dung: cơ sở pháp lý, quá trình tổ chức thực hiện, kết quả đánh giá, thống nhất hay không thống nhất (nêu rõ lý do) với đề xuất của Bên mời thầu.

- Chuyên viên được phân công dự thảo quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (trường hợp lựa chọn được nhà đầu tư) hoặc Dự thảo quyết định hủy đấu thầu; kèm theo Phiếu trình theo BM.VP.01.03;

5.2.3 Kiểm tra và trình quyết định

Lãnh đạo Ban kiểm tra báo cáo thẩm định; dự thảo quyết định.

- Nếu đảm bảo yêu cầu thì Ký nháy để trình lãnh đạo Bộ phê duyệt.

- Nếu không đảm bảo yêu cầu thì cho ý kiến trực tiếp vào văn bản và yêu cầu chuyên viên hoàn thiện lại.

5.2.4 Ký quyết định

Căn cứ tờ trình của Bên mời thầu và Báo cáo thẩm định của Ban, Lãnh đạo Bộ phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư hoặc hủy đấu thầu; trường hợp cần giải trình, làm rõ yêu cầu Ban thẩm định bổ sung hoặc làm rõ, khi cần thiết có thể yêu cầu Ban Thẩm định dự thảo công văn yêu cầu BMT giải trình làm rõ.

5.2.5 Thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Văn thư Bộ phát hành quyết định theo quy định;

BMT gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà đầu tư tới các Nhà đầu tư tham gia (đối với Nhà đầu tư được lựa chọn, phải gửi kèm theo dự thảo Hợp đồng dự án được soạn thảo phù hợp với Báo cáo nghiên cứu khả thi, Hồ sơ mời thầu

hoặc Hồ sơ yêu cầu) hoặc thông báo đến các Nhà đầu tư tham gia đấu thầu về việc hủy đấu thầu (trường hợp hủy đấu thầu);

BMT gửi thông tin về kết quả lựa chọn Nhà đầu tư để đăng tải công khai trên Báo Đấu thầu trong thời gian tối đa 7 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư.

5.2.6 Chuẩn bị đàm phán

Tổ chuyên gia đấu thầu của BMT chuẩn bị kế hoạch và nội dung đàm phán trình Bộ phê duyệt và gửi cho Nhà đầu tư được chọn;

Trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đàm phán, Nhà đầu tư phải gửi văn bản thông báo cho Bộ về việc chấp thuận đàm phán Hợp đồng dự án; trường hợp không chấp nhận đàm phán, tiến hành lại thủ tục ở bước 5.2.1

5.2.7 Đàm phán

Nhóm công tác liên ngành chủ trì đàm phán Hợp đồng dự án và thỏa thuận bảo lãnh chính phủ (nếu có) với Nhà đầu tư đã được chọn;

Đàm phán thành công thì Nhóm công tác liên ngành chuẩn bị Dự thảo hợp đồng.

5.2.8 Ký tắt hợp đồng

Trên cơ sở Dự thảo Hợp đồng của Nhóm công tác liên ngành, Lãnh đạo Ban báo cáo Lãnh đạo Bộ để cùng NĐT ký tắt hợp đồng.

5.2.9 Xin Cấp giấy chứng nhận đầu tư

NĐT chuẩn bị Hồ sơ dự án được lập theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, dự thảo hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác liên quan đến việc thực hiện Dự án (nếu có) phải gửi kèm Hợp đồng dự án.

5.2.10 Cấp giấy chứng nhận đầu tư

Bộ KHĐT tiếp nhận và thẩm tra Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

Bộ KHĐT thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

5.2.11 Ký hợp đồng

Lãnh đạo Bộ ký hợp đồng

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày ký chính thức Hợp đồng dự án, Nhà đầu tư gửi Hợp đồng dự án cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư để lưu và theo dõi.

VI. HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án.	Hồ sơ được lưu tại Ban trong thời gian thụ lý và đến khi dự án hoàn thành, sau đó chuyển về kho lưu trữ của Bộ	10 năm
2	Tờ trình/Văn bản (có dấu công văn đến của Bộ và giao nhiệm vụ của Lãnh đạo Bộ)		10 năm
3	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.		10 năm
4	Văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (nếu có);		10 năm
5	Báo cáo thẩm định bản gốc.		10 năm
6	Kế hoạch đàm phán		10 năm
7	Nội dung đàm phán		10 năm
8	Hồ sơ dự án		10 năm
9	Giấy phép đầu tư		10 năm
10	Hợp đồng		10 năm
11	Dự thảo hợp đồng được ký tắt		10 năm

VII. PHỤ LỤC :

1/ **Phụ lục 01:** Dự thảo hợp đồng theo Phụ lục II Thông tư 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định những nội dung cơ bản của Hợp đồng dự án